

				Kẹp tán sợi sử dụng với vỏ 25fr: 1 cái (Mã: 32-4066)					
				Kẹp sinh thiết 7fr, dài 410mm: 1 cái (Mã: 32-4120)					
				Kẹp nội soi 7fr, dài 410mm, hàm răng cưa: 1 cái (Mã: 32-4130)					
				Dụng cụ thực rửa Ellik với quả bóng bằng cao su: 1 cái (Mã: 32-4106)					
				Vỏ ống soi niệu đạo với 1 kênh dụng cụ 5fr, đường kính vỏ 21fr: 1 cái (Mã: 32-4370)					
				Vỏ ngoài cho model đường kính 21fr: 1 cái (Mã: 32-4375)					
				Dao loại tiêu chuẩn, lưỡi hình vòng tròn khuyết: 1 cái (Mã: 32-4389)					
				Kéo nội soi 7fr, dài 410mm: 1 cái (Mã: 32-4135)					
				Cán dụng cụ lấy sỏi: 1 cái (Mã: 32-4211)					
				Dụng cụ lấy sỏi Dormia 5Fr với 4 dây: 1 cái (Mã: 32-4204)					
XIII	BVĐK huyện Lộc Hà								
1	Máy phẫu thuật Phaco			Model: Megatron S4 HPS Hãng sản xuất: Geuder AG Xuất xứ: Đức	Cái	1	1.785.000.000	1.785.000.000	
				Yêu cầu chung					
				Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất 2019					
				Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FSC					
				Cấu hình bao gồm					
				Máy chính: 01					
				Xe để máy: 01 cái					
				Cột truyền dịch điều khiển bằng motor điện thông qua phần mềm lập trình sẵn trong máy: 01 cái					
				Bàn đạp điều khiển: 01 cái					
				Bộ cassette nhu động và venturi có ống dây I/A tubing, bộ truyền dịch, túi đựng dịch thái: 02 bộ					
				Bộ dây I/A có cảm biến áp lực: 01 bộ					
				Bộ cảm biến HPS: 02 bộ					

			Bộ kết nối dùng cho đầu đốt điện: 01 bộ						
			Thẻ nhớ dùng cho máy với kết nối cấp 2.0: 01 cái						
			Bút chạm điều khiển màn hình cảm ứng (tiết trùng dùng nhiều lần): 01 cái						
			Hương dẫn sử dụng: 01 bộ						
			Phụ kiện cho Phaco và I/A bán phần trước:						
			Khóa vặn cho đầu kim Phaco bằng thép không rỉ: 01 cái						
			Tay cầm phaco siêu âm bằng titan, siêu nhẹ (37 gam), bền: Đường kính 12mm, dài 129mm: 01 cái						
			Đầu Phaco tip siêu âm, 30°, đường kính 1,17mm, dùng cho đường mổ 2.2mm và 2.8mm: 02 cái						
			Đầu Phaco tip siêu âm dòng mega, 30°, đường kính đầu tip 1,26mm: 02 cái						
			Đầu sleeve bằng silicone tạo dòng chảy cao, màu vàng cho tay cầm siêu âm, đường kính 1,8mm: 06 cái						
			Buồng thử test dịch bằng silicon dùng cho đầu phaco: 02 cái						
			Đầu I/A và kim rửa hút cong, với sleeve bằng silicon: 01 cái						
			Đầu I/A và kim rửa hút thẳng, với sleeve bằng silicon: 01 cái						
			Bộ phụ kiện phaco và I/A cho kỹ thuật Phaco động trực đường mổ nhỏ (CMICS)						
			Đầu Phaco tip siêu âm CMP bằng titanium, 30°, cho phẫu thuật phaco đường mổ nhỏ động trực, đường kính đầu tip 1,0mm, tai trực 0,7mm: 01 cái						
			Đầu sleeve cho đầu tip, màu trắng, đầu ống 1,4mm cho phẫu thuật Phaco đường mổ nhỏ động trực: 02 cái						
			Bộ thử cân bằng dịch tưới hút và thử máy bằng silicon cho phẫu thuật Phaco động trực: 02 bộ						

				Khóa vận đầu phaco tip cho bộ phẫu thuật Phaco đồng trục 2.2mm: 01 cái				
				Tay cầm tưới hút (I/A) đồng trục, đã có đầu kim tưới hút, bọc sleeve khí dùng. Sleeve bằng silicon với công hút 0,3mm cho phẫu thuật phaco đồng trục đường mổ nhỏ 2.2mm: 01 cái				
				- Cắt dịch kính bán phần trước Đầu cắt dịch kính 23G, có ống dẫn dịch (dùng 1 lần) mã màu UNO. : 02				
				- Đốt điện cầm máu bán phần trước Kẹp đốt điện cầm máu, bé góc, dài 10 cm (tiệt trùng bằng hơi nước). : 01				
				- Hộp đựng dụng cụ tiết trùng + Hộp tiết trùng, kích thước ngoài khoảng : 29 x 19x 6cm. : 01 Bộ đệm Silicone cho hộp tiết trùng khoảng 260 x 160 mm: 01				
				Tính năng và Thông số kỹ thuật:				
				Tính năng chính:				
				Hệ thống dùng cho cả phaco và dịch kính bán phần trước và có thể nâng cấp cho dịch kính bán phần sau.				
				Sử dụng công nghệ bơm hybrid có khả năng chuyển đổi nóng chức năng (cả bơm nhu động peristaltic và bơm venturi).				
				Hệ thống bơm có bơm nhu động (peristaltic) và khả năng kết hợp hiệu ứng venturi trong chế độ bơm nhu động.				
				Tốc độ đầu cắt tối đa 12.000 cpm				
				Có khả năng tích hợp laser nội nhãn và nguồn sáng vào cùng hệ thống (sử dụng cho bán phần sau).				
				Một bộ cassette cho tất cả mọi phẫu thuật – không phải thay đổi trong khi mổ.				
				Xác nhận bằng giọng nói đến 8 thứ tiếng.				
				Ngôn ngữ nhập liệu thay đổi theo phát âm người				

	Châu Âu, Trung Đông, Châu Á.				
	Trong phần thuật bán phần trước:				
	Có tính năng tối ưu hóa năng lượng siêu âm được đưa vào.				
	Khả năng ổn định tiền phòng hoàn hảo.				
	Máy nén khí được tích hợp bên trong máy				
	Có tính năng quản lý dòng chảy thông minh.				
	Khai thác tối đa tạo bọt năng lượng từ năng lượng siêu âm.				
	Có khả năng tự động điều chỉnh cho độ bền lâu dài của tay cầm siêu âm.				
	Hệ thống có khả năng di động và khả năng module hóa tối đa.				
	Có đai vật tư phụ kiện, dụng cụ đầy đủ cho phẫu thuật nhãn khoa, phẫu thuật phaco và phẫu thuật dịch kính vông mạc				
	Pedal điều khiển chân điều khiển tuyến tính kép và lập trình riêng biệt cho mỗi phẫu thuật viên.				
	Chức năng rửa:				
	Có khả năng điều chỉnh bằng tay hoặc tự động chiều cao chai dịch: được lập trình sẵn hoặc trong khi mổ.				
	Cột treo chai dịch có thể nâng hạ tích hợp với máy tính và điều khiển bằng pedal điều khiển chân hoặc màn hình cảm ứng trên máy.				
	Chức năng hút:				
	Hệ thống có khả năng sử dụng bơm nhu động và bơm venturi.				
	Tốc độ tối đa 50 ml/ phút, có thể điều chỉnh tăng tuyến tính hoặc cố định.				
	Có khả năng điều chỉnh thời gian tăng từ 0,5 giây đến 5 giây.				
	Chức năng bơm khí:				
	Áp suất bơm khí có thể cài đặt trong máy từ 0 đến 100mmHg				
	Tích hợp hiển thị và điều khiển trên máy.				

	b) Thông số kỹ thuật:				
	Kích thước (Sâu x Rộng x Cao): 420 x 420 x 370 mm				
	Khối lượng máy chính: 25 Kg				
	Nguồn điện cung cấp:				
	Điện áp: 100-240V, Tần số: 50/60Hz				
	Công suất tiêu thụ: Tối đa 100-400V/W/240-400V/W				
	Bơm nhu động:				
	Chân không (tuyến tính, mũ và điều chỉnh cố định) 1 - 600mmHg				
	Hút (tuyến tính và điều chỉnh cố định) 1- 50 ml/phút				
	Tần số xung (có thể điều chỉnh): 10 Hz				
	Thời gian đáp ứng tăng (có thể điều chỉnh): 0,5 - 5 giây				
	Bơm điều khiển trực tiếp				
	Chân không (tuyến tính, mũ và điều chỉnh cố định): 1-600mm Hg				
	Thời gian đáp ứng tăng (có thể điều chỉnh): 0,5 - 5 giây				
	Siêu âm				
	Phạm vi tần số: 27 - 55 kHz				
	Năng lượng đầu ra (tuyến tính, mũ và điều chỉnh cố định): 0-100%				
	Tần số xung siêu âm (có thể điều chỉnh): 1 - 60 Hz				
	Thời gian xung (có thể điều chỉnh): 2 - 900 ms				
	Cắt dịch kính (bán phần trước)				
	Tốc độ cắt (tuyến tính, mũ và điều chỉnh cố định)				
	Từ tính: 10- 2.000/ 4.000 lát cắt / phút				
	Cắt nhu động UNO colorline mach2: 20 - 12.000/phút				
	Cắt nhu động UNO colorline: 10 - 6.000/phút				
	Bơm khí/dầu				

		Bom khí (có thể điều chỉnh): 0 - 100mmHg				
		Bom dầu (có thể điều chỉnh): 0,5 - 6 bar				
		Đốt điện lưỡng cực				
		Đốt điện cảm máu lưỡng cực công nghệ wetfield:				
		Đốt điện nội nhãn				
		Năng lượng đầu ra (tuyến tính và cố định điều chỉnh): 0 - 15W				
		Xung (có thể điều chỉnh): 1 - 20 Hz				
		Model: XVSS				
		Hãng sản xuất: Chammedco.,Ltd				
		Xuất xứ: Hàn Quốc				
2	Máy nội soi tai mũi họng	Yêu cầu chung	Cái	1	341.063.000	341.063.000
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485				
		Cấu hình bao gồm				
		Thân máy chính: 01 cái				
		Cáp nguồn: 01 bộ				
		Cáp Video: 01 bộ				
		Cáp dẫn nguồn sáng: 01 cái				
		Camera CCD (dạng súng): 01 cái				
		Optic soi tai nhi 0°, Ø2.7mm, dài 90mm: 01 cái				
		Optic soi mũi người lớn 0°, Ø4mm, dài 175mm: 01 cái				
		Optic soi mũi người lớn 30°, Ø4mm, dài 175mm: 01 cái				
		Optic thanh quản người lớn 70°, Ø6mm, dài 175mm: 01 cái				
		Adaptor lens: 01 cái				
		Màn hình LCD ≥17 inch: 01 cái				
		Chân đế máy chính hãng: 01 cái				
		Công tắc chân (bàn đạp đơn): 01 cái				
		Máy tính, máy in màu (mua tại Việt Nam): 01 bộ				
		Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ				
		Thông số kỹ thuật:				

		<p>Nguồn điện: AC 220V, 50/60Hz</p> <p>Công suất: 200VA.</p> <p>Cảm biến ảnh: 1/3" CCD</p> <p>Độ phân giải tối thiểu: NTSC (768x404), PAL(752x582)</p> <p>Tốc độ khung: 25/30fps@DI</p> <p>Loại tay cầm: loại súng</p> <p>Đặc điểm: 1/2/4 bất hình</p> <p>Giao diện người dùng: Nút chạm điều chỉnh âm lượng</p> <p>- Nguồn sáng: LED, 1 kênh</p> <p>Cường độ bức xạ: $\leq 6.0 \times 10^4$ Lux</p>				
XIV	BVĐK huyện Hương Khê					
1	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động	<p>Model: Advia Centaur CP</p> <p>Hãng sản xuất: Stratec Biomedical Switzerland</p> <p>AG/Thủy Sỹ sản xuất cho hãng SIEMENS</p> <p>Xuất xứ: Thủy Sỹ</p> <p>Yêu cầu chung</p> <p>Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất 2019</p> <p>Đạt tiêu chuẩn về chất lượng: ISO 13485</p> <p>Cấu hình bao gồm</p> <p>Máy chính: 01 máy</p> <p>Dây nguồn: 01 chiếc</p> <p>Máy tính kèm phần mềm: 01 bộ.</p> <p>Máy in: 01 máy (mua trong nước)</p> <p>Cuvette (hộp 3000 chiếc): 01 hộp.</p> <p>Sample tip (hộp 6480 chiếc): 01 hộp.</p> <p>Sample cup (hộp 1500 chiếc): 01 hộp</p> <p>Dung dịch Acid&Base (2x300ml): 01 hộp</p> <p>Dung dịch WASH 1(2x1500ml): 01 hộp</p> <p>Dung dịch CLEANING(1x12l): 01 hộp</p> <p>Hóa chất chạy thử máy: AFP, FER, TSH, VB12, HBcM: mỗi loại 1 hộp.</p> <p>Calibrator, QC theo thông số chạy thử máy: mỗi loại</p>	Cái	1	1.988.000.000	1.988.000.000

		01 lọ.						
		Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh, tiếng Việt): 01 bộ						
		Đặc tính và Thông số kỹ thuật						
		Loại máy xét nghiệm miễn dịch nạp mẫu ngẫu nhiên liên tục, sử dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp.						
		Công suất: 180 test/ giờ theo mẻ hoặc nạp mẫu ngẫu nhiên.						
		Thời gian cho kết quả đầu tiên nhanh nhất: 15 phút với nhiều thông số như T3, FR4, TSH, AFP, CEA, anti TPO, CK-MB, ...						
		Số xét nghiệm có sẵn trên máy: 15 thông số						
		Số thông số xét nghiệm có thể cài đặt: 100 thông số						
		Hoạt động liên tục không phải tạm dừng máy để nạp thêm mẫu bệnh phẩm, mẫu cấp cứu, thuốc thử chính, thuốc thử phụ, cuvette, đầu côn, calibrator, QC, dung dịch rửa, nước: Có.						
		a. Quản lý mẫu bệnh phẩm:						
		Khả năng nạp các ống bệnh phẩm có kích cỡ khác nhau: ống microtainer, cốc bệnh phẩm 1ml, ống nghiệm các cỡ 5,7,10 ml.						
		Số vị trí mẫu bệnh phẩm : 84 vị trí, nạp qua các giá đựng bệnh phẩm, mỗi giá có 12 vị trí.						
		Có vị trí nạp mẫu cấp cứu (STAT): Có.						
		Loại mẫu bệnh phẩm: huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, dịch não tủy.						
		Khả năng kiểm tra chất lượng của mẫu bệnh phẩm trước khi xét nghiệm: cảm biến mực chất lỏng qua áp suất và phát hiện mẫu thiếu đi kèm cờ báo, phát hiện mẫu bệnh phẩm bị đông đi kèm cờ báo, phát hiện mẫu bệnh phẩm có bọt.						
		Phương pháp loại trừ nhiễm chéo mẫu bệnh phẩm:						

	sử dụng đầu côn (sample tip) riêng cho mỗi bệnh phẩm.			
	Số lượng đầu côn có thể nạp 1 lần: tới 480 đầu côn.			
	Khả năng tự động theo dõi và báo hiệu số lượng đầu côn còn trên máy: Có			
	Hỗ trợ nhiều dạng mã vạch: Code 128, Code 39, Codabar, Interleaved 2 of 5.			
	b. Quản lý thuốc thử:			
	Thuốc thử được bảo quản lạnh ở nhiệt độ 8 ^o C đến 12 ^o C (10±2 ^o C).			
	Số vị trí đặt thuốc thử phụ: 10 vị trí.			
	Khả năng quản lý thông tin thuốc thử bằng mã vạch, tự động theo dõi và cảnh báo độ ổn định của thuốc thử, hiệu lực của calibration, hạn sử dụng của thuốc thử, thuốc thử sắp hết: Có.			
	c. Quản lý cuvette:			
	Số lượng cuvette có thể nạp 1 lần: 400 chiếc.			
	d. Quản lý calibration:			
	Cách thức nhập giá trị của chất calibrator theo từng lô vào máy: tự động qua máy quét mã vạch hoặc nhập thủ công.			
	Có thể xem lại kết quả, trạng thái và các báo lỗi của calibration.			
	Trong trường hợp đang chạy xét nghiệm mà calibration hết hiệu lực, có thể trì hoãn (Waiving a calibration) hiệu lực của calibration thêm 1 khoảng thời gian. Trong trường hợp giá trị calibration không nằm trong dải mong muốn nhưng vẫn nằm trong dải cho phép thì có thể lựa chọn chấp nhận giá trị đó (accepting a calibration that is in Verify State). Các trường hợp ngoại lệ này đều được máy đánh dấu (flag) báo hiệu cho người dùng.			
	e. Quản lý QC:			
	Có chương trình quản lý Advia QC theo L-J plot và Westgard rules tích hợp sẵn trong máy.			

	Các mức độ QC: 0-9 mức độ.					
	Số QC có thể cài đặt: 300 controls					
	Số thông số có thể cài đặt trên 1 loại QC: 50 thông số.					
	Bộ nhớ: ≥ 65.000 QC, kết quả bệnh nhân, các sự kiện.					
	f. Các thông số xét nghiệm:					
	Xét nghiệm dự ứng: Total IgE.					
	Xét nghiệm các thông số về thiếu máu: Ferritin, Folate, RBC Folate, Vitamin B12, Active B12					
	Tự miễn: Anti-CCP					
	Các xét nghiệm xương: Intact PTH					
	Các nghiệm tim mạch: BNP, CKMB, Myoglobin, Tnl-Ultra					
	Xét nghiệm bệnh tiêu đường: C-Peptide, Insulin.					
	Các xét nghiệm về viêm gan và HIV: Anti- HBe, Anti-HBs-2, HAV IgM, HAV Total, Hbc IgM, Hbc Total, HBs Ag Confirmatory, HBsAgII, HIV Combo, eHIV I/O/2, HCV					
	Các xét nghiệm sàng lọc xơ gan (EFL): HA, TIMP, PIIINP					
	Các xét nghiệm ức chế miễn dịch: Cyclosporine.					
	Các xét nghiệm chuyển hóa: Cortisol, Homocysteine.					
	Các xét nghiệm nội tiết: AFP, DHEAS, Enhanced Estradiol, Free Beta hCG, FSH, LH, PAPP-A, Progesterone, Prolactin, SHBG, Testosterone, hCG.					
	TDM: Carbamazepine, Digitoxin, Digoxin, Gentamicin, Phenobarbital, Phenytoin, Theophylline, Tobramycin, Valproic Acid, Vancomycin.					
	Chức năng tuyến giáp: Anti-Tg, Anti-TPO, Free T3, Free T4, TSH, T Uptake, Total T3, Total T4, TSH					

	3-Ultra. Các chức năng miễn dịch khác: Rubella IgG, Rubella IgM, Toxo IgG, Syphilis, CMV IgG, Herpes-1 IgG, Herpes-2 IgG Tumor marker và chẩn đoán bệnh ung thư: AFP, CA 15-3, CA 19-9, CA 125II, CEA, Complexed PSA, PSA, Serum HER-2/neu				
	Giao diện sử dụng: Dùng hệ điều hành tối thiểu Microsoft Windows XP Professional. Màn hình LCD cảm ứng kích cỡ 15” Điều kiện hoạt động Nhiệt độ hoạt động: 18-30°C Độ ẩm hoạt động: tới 85%.				
2	Máy xét nghiệm huyết học tự động Model: MEK-6510K Hãng sản xuất: Nihon Kohden Xuất xứ: Nhật Bản Yêu cầu chung Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất 2019 Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Cấu hình bao gồm Máy chính và các phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: 01 bộ Máy in (mua trong nước): 01 cái	1	Cái	320.500.000	320.500.000
	- Bộ hóa chất ban đầu: 01 bộ Isotonac (18L): 01 can • Hemolynac 3N (500ml): 01 can • Cleanac (5L): 01 can Cleanac3 (5L): 01 can Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ Tính năng và Thông số kỹ thuật chi tiết: Thông số đo: Đo được 19 thông số, hiển thị trên				

	<p>màn hình màu</p> <p>+ Bạch cầu: WBC, LY#, LY%, MO#, MO%, GR#, GR%</p> <p>+ Hồng cầu: RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW-SD, RDW-CV</p> <p>Tiểu cầu : PLT, MPV, PDW, PCT.</p>				
	Phương pháp đo				
	Đo hồng cầu : Phương pháp trở kháng điện				
	Là Đo bạch cầu : Phương pháp trở kháng điện				
	Hemoglobin : Phương pháp so màu				
	Hematocrit : Đo biểu đồ				
	Tiểu cầu: Phương pháp trở kháng điện				
	Dải phân bố hồng cầu: Đo biểu đồ				
	Dải phân bố tiểu cầu: Đo biểu đồ				
	Công suất: 60 mẫu/giờ				
	Chế độ đo:				
	Chế độ mơ				
	Chế độ pha loãng trước				
	Chế độ bạch cầu cao				
	- Chế độ bạch cầu thấp				
	Dải đo:				
	- WBC (Số lượng bạch cầu)				
	0 - $\geq 599.9 \times 10^3/\mu\text{L}$				
	0 - $\geq 599.9 \times 10^3/\mu\text{L}$ (chế độ đo mẫu bất thường)				
	LY% (Phần trăm Lymphocyte): 0 - 100%				
	MO% (Phần trăm Monocyte): 0 - 100%				
	GR% (Phần trăm Granulocyte): 0 - 100%				
	- LY (Số lượng Lymphocyte):				
	0 - $\geq 599.9 \times 10^3/\mu\text{L}$				
	0 - $\geq 599.9 \times 10^3/\mu\text{L}$ (chế độ đo mẫu bất thường)				
	- MO (Số lượng Monocyte)				
	0 - $\geq 599.9 \times 10^3/\mu\text{L}$				
	0 - $599.9 \times 10^3/\mu\text{L}$ (chế độ đo mẫu bất thường)				
	- GR (Số lượng Granulocyte)				

	0 - 59.9 x 10 ³ /μL				
	0 - 599.9 x 10 ³ /μL (chế độ đo mẫu bất thường)				
	RBC (Số lượng hồng cầu): 0 - 14.9 x 10 ⁶ /μL				
	HGB (Hemoglobin): 0 - 29.9 g/dL				
	HCT (Hematocrit): 0 - 99.9%				
	MCV (Thể tích huyết sắc tố trung bình hồng cầu): 20 - 199 fL				
	MCH (Huyết sắc tố trung bình hồng cầu) : 10 - 50 pg				
	MCHC (Mật độ huyết sắc tố trung bình hồng cầu): 10 - 50g/dL				
	RDW-CV (Dải phân bố hồng cầu): 0 - 50%				
	RDW-SD (Dải phân bố hồng cầu): 0 - 199 fL				
	PLT (Số lượng tiểu cầu): 0 - 1490 x 10 ³ /μL				
	PCT (Platelet crit): 0 - 2.9%				
	MPV (Thể tích tiểu cầu trung bình) : 0 - ≥ 20.0 fL				
	PDW (Dải phân bố tiểu cầu): 0 - 50%				
	Độ lặp lại				
	+ WBC: 2% CV				
	+ RBC: 1,5% CV				
	+ HGB: 4% CV				
	+ MCV: 1% CV				
	PLT: 4% CV				
	Dạng mẫu: Máu tĩnh mạch, máu pha loãng trước				
	Chế độ đo máu mao mạch: Có khả năng đo mẫu với ống Capillary				
	Thể tích mẫu:				
	Chế độ đo máu tĩnh mạch: 30 μL trong chế độ thường và chế độ pha loãng thấp, 10 μL trong chế độ pha loãng cao, 5 μL trong chế độ pha loãng cao hơn				
	Chế độ đo máu pha loãng trước: 20 μL, 10μL tùy thuộc tỷ lệ pha loãng				
	Điều kiện: Màn hình cảm ứng màu rộng 5.7 inch.				

		Chương trình chuẩn chỉnh màn hình cảm ứng: Có thể sử dụng chương trình chuẩn màn hình cảm ứng đảm bảo độ chính xác khi vận hành				
		Phím bấm điều khiển: Có phím bấm cứng để dùng máy khi có sự cố và phím bấm cứng rửa máy				
		Chế độ kiểm tra: Tự động kiểm tra khi bật máy				
		Loại bỏ tác: Tự động loại bỏ tác				
		Tự động rửa khi tắt máy: Máy tự động rửa khi tắt máy				
		Mức độ bảo mật : Có 3 mức độ bảo mật bao gồm: Cho kỹ sư, cho nhân viên phòng thí nghiệm và cho người sử dụng thông thường				
		Đem lại mẫu khi kết quả đo nằm ngoài khoảng giới hạn: Có				
		Bảo động: Bàng âm thanh và thông báo khi có lỗi xảy ra				
		Cảnh báo hóa chất: Có chương trình cảnh báo mức hóa chất bằng biểu tượng trên màn hình máy.				
		Chương trình kiểm tra chất lượng QC : X-R, L&J (Levey & Jenning), XB, XD-CV				
		Khả năng lưu trữ :				
		Dữ liệu: 400				
		Biểu đồ: 50				
		Lưu trữ mở rộng : 15,000 kết quả trên thẻ nhớ SD (khi chọn thêm thẻ nhớ ngoài)				
XV	BVĐK thành phố Hà Tĩnh					
1	Máy siêu âm Doppler màu 4 đầu dò	Model/ Ký mã hiệu: Affiniti 70 (Affiniti 70G) Hãng sản xuất: Philips Xuất xứ máy chính: Mỹ	Cái	1	3.515.000.000	3.515.000.000
		Yêu cầu chung				
		Máy mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất 2019				
		Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA, CE				
		Cấu hình bao gồm				

					Máy chính và phụ kiện tiêu chuẩn kèm màn hình, xe đẩy đồng bộ: 01 bộ				
					- Đầu dò Sector công nghệ Purewave tần số dải rộng cho thăm khám tim người lớn: 01 cái + Mã đầu dò: S5-1 Xuất xứ: Mỹ				
					- Đầu dò Sector tần số dải rộng thăm khám tim trẻ em : 01 cái + Mã đầu dò: S8-3 Xuất xứ: Trung Quốc				
					- Đầu dò Linear tần số dải rộng cho thăm khám mạch máu, phân nông: 01 cái + Mã đầu dò: eL18-4 Xuất xứ: Mỹ				
					- Đầu dò Convex tần số dải rộng cho thăm khám ổ bụng tổng quát : 01 cái + Mã đầu dò: C5-1 Xuất xứ: Mỹ				
					Bộ phần mềm thăm khám tim người lớn, trẻ em: 01 bộ				
					Bộ phần mềm thăm khám mạch máu, vi mạch: 01 bộ				
					Bộ phần mềm thăm tổng quát: 01 bộ				
					Bộ phần mềm thăm khám phân nông: 01 bộ				
					- Máy in nhiệt đen trắng: 01 cái + Model: UP-D898MD + Hãng sản xuất: Sony Xuất xứ: Trung Quốc				
					- Bộ lưu điện Online 2KVA: 01 bộ (<i>Mua lẻ trong nước</i>)				
					Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ				
					Đặc tính kỹ thuật				
					1. Máy chính				
					Thiết kế đồng bộ trên xe đẩy có khóa và phanh hãm				

	Bản đồ sắc độ màu có thể lựa chọn				
	Định dạng hiển thị có thể lựa chọn				
	5.4. Tạo ảnh Doppler màu				
	Có ứng dụng trên mọi đầu dò tạo hình				
	Có thể lựa chọn tần số: cố định truyền/nhận				
	Có thể lựa chọn 9 vị trí đường cơ sở cho thăm khám sản, tổng quát				
	Đảo vị trí đường cơ sở				
	Khả năng thu phóng: từ 0,8 lần đến 8 lần				
	Đảo màu trong hình ảnh trực tiếp và dừng ảnh				
	Tự động điều chỉnh truyền và nhận tín hiệu dựa trên vị trí hộp màu, việc cung cấp độ phân giải màu sắc và độ nhạy				
	5.5. Tạo ảnh hòa âm mô				
	Có sẵn trên mọi ứng dụng lâm sàng (mọi loại đầu dò tạo ảnh)				
	Mở rộng khả năng hiển thị ảnh đối với các bộ phận của bệnh nhân				
	5.6. Tạo ảnh năng lượng màu				
	Chế độ nhạy cao cho các thành mạch nhỏ				
	Có trên các đầu dò tuyến tính				
	Xem lại Cine-loop				
	Các bản đồ màu				
	Có thể điều chỉnh riêng lẻ cho: Độ khuếch đại, các bộ lọc, độ nhạy, chế độ ghi xung ưu tiên, đảo màu				
	Kích cỡ và vị trí CPA vùng cần quan tâm có thể điều chỉnh				
	Đảo màu trong hình ảnh trực tiếp và dừng ảnh				
	6. Đầu dò				
	6.1. Đầu dò Sector tần số dải rộng cho thăm khám tim người lớn:				
	Dải tần số từ 1 đến 5 MHz				
	Số chấn tử: 80				
	Trường nhìn: 90°				

	Ứng dụng thăm khám: tìm người lớn, Doppler xuyên sọ (TCD)			
	Ứng dụng tạo ảnh: 2D, Doppler liên tục, Doppler xung lái hướng, Doppler màu và Doppler tần số lặp lại xung mức cao – High PRF, Doppler mô, tạo ảnh loại bỏ nhiễu đốm mờ XRES, tạo ảnh hòa âm mô			
	6.2. Đầu dò Sector tần số dải rộng cho thăm khám tim trẻ em:			
	Dải tần số từ 3 đến 8 Mhz			
	Số chân từ: 96			
	Trường nhìn 90°			
	Ứng dụng thăm khám: tìm trẻ em			
	Ứng dụng tạo ảnh: 2D, Doppler xung lái hướng, Doppler màu, Doppler liên tục, Doppler mô, tạo ảnh loại bỏ nhiễu đốm mờ XRES, tạo ảnh hòa âm mô			
	6.3. Đầu dò Linear tần số dải rộng cho thăm khám mạch máu:			
	Dải tần số từ 2Mhz – 22Mhz			
	Số chân từ: 1.920			
	Độ mờ 50 mm			
	Ứng dụng thăm khám: mạch máu, phần nông, cơ xương khớp			
	Ứng dụng tạo ảnh: xung lái tia và Doppler màu, năng lượng màu, và tạo ảnh hòa âm mô, ảnh toàn cảnh (Panaramic)			
	Hỗ trợ làm rõ kim sinh thiết			
	Có thể hỗ trợ sinh thiết			
	6.4. Đầu dò Convex tần số dải rộng cho thăm khám sãn, tổng quát:			
	Dải tần số từ 1Mhz – 5Mhz			
	Số chân từ: 160			
	Trường nhìn: 111°			
	Ứng dụng thăm khám: tổng quát			
	Ứng dụng tạo ảnh: Tạo ảnh xung lái tia và Doppler màu, CPA, CPA định hướng và tạo ảnh hòa âm đa			